

Số: 3185/BGDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn thực hiện một số nội
dung về giáo dục và đào tạo thuộc
CTMTQG xây dựng nông thôn mới,
giảm nghèo bền vững và phát triển kinh
tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai
đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan, đơn vị (Danh sách kèm theo).

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/7/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục và đào tạo trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 sau đây gọi tắt là Chương trình số 417 lĩnh vực GDĐT.

(Hướng dẫn kèm theo)

Quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết, theo thẩm quyền (đầu mối liên hệ qua ông Nguyễn Hải Nam, chuyên viên chính Vụ Kế hoạch - Tài chính, số điện thoại 0912.395.758; email: nhnamkhtc@moet.gov.vn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Hồ Quốc Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Sở GDĐT các tỉnh/thành phố (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Ban QLCDA (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC.



Hoàng Minh Sơn

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHẬN VĂN BẢN

1. Bộ Tài chính
2. Bộ Xây dựng
3. Bộ Nội vụ
4. Bộ Y tế
5. Bộ Công thương
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7. Bộ Khoa học và Công nghệ
8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9. Bộ Dân tộc và Tôn giáo
10. Bộ Công an
11. Bộ Quốc phòng
12. Bộ Tư pháp
13. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
14. Trường Văn hoá, Bộ Công an
15. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
16. Trường Đại học Tây Nguyên
17. Trường Hữu Nghị T78
18. Trường Hữu Nghị 80
19. Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên
20. Trường Đại học Đà Lạt
21. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số nội dung về giáo dục và đào tạo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số 3185/BGDDT-KHTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần thứ nhất:

QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU

I. Quan điểm, nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm cụ thể hóa các nhiệm vụ của ngành giáo dục được giao tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

2. Quá trình tổ chức thực hiện tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Gắn việc thực hiện nhiệm vụ với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch có liên quan; phù hợp điều kiện thực tiễn của từng địa phương, vùng, miền.

4. Việc thực hiện các nội dung thuộc Chương trình số 417 lĩnh vực GDĐT cần triển khai theo hướng tích hợp, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm không trùng lặp, chồng chéo với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, chính sách giáo dục khác đang triển khai; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

5. Triển khai các nhiệm vụ theo định hướng tập trung, dứt điểm, ưu tiên các cơ sở giáo dục ở địa bàn đặc biệt khó khăn, các cơ sở giáo dục chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp, phù hợp với nhiệm vụ của Ngành, nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu Chương trình số 417 lĩnh vực GDĐT một cách bền vững, môi trường giáo dục thân thiện. Đặc biệt chú trọng các công trình vệ sinh phù hợp giới; khu sinh hoạt chung và các công trình phục vụ học sinh nội trú, bán trú, y tế trường học. Quá trình triển khai có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, ưu tiên đầu tư các cơ sở giáo dục bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, ở vùng có các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;

6. Bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của các cấp, các ngành; công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng nguồn lực; địa phương chịu trách nhiệm rà soát nhu cầu, lựa chọn danh mục, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện theo nguyên tắc “Địa phương quyết - Địa phương làm - Địa phương chịu trách nhiệm”.

7. Phát triển hài hòa giữa giáo dục với giữ gìn các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống, thiết chế cộng đồng.

8. Huy động nguồn lực và sự quan tâm của hệ thống chính trị các cấp trong chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát triển khai thực hiện.

II. Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thành các nội dung tiêu chí về giáo dục và đào tạo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Phấn đấu đạt 100% phòng học kiên cố trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, có đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện; mua sắm thiết bị dạy học và trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhà trường đầy đủ theo quy định.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp, đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

- Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục vùng DTTS&MN, triển khai đồng bộ các chính sách cho người dạy, người học, cơ sở giáo dục ở vùng DTTS&MN, biên giới và hải đảo để nâng cao chất lượng giáo dục, rút ngắn khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền.

Phần thứ hai:

THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. HỢP PHẦN THỨ NHẤT

Thực hiện trên địa bàn cả nước; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào DTTS&MN đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình.

I. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

1.1. Đối tượng: Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

1.2. Nội dung thực hiện.

Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thư viện, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông theo

hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học theo quy định, ưu tiên đầu tư phòng học, phòng học bộ môn, thư viện,..., thiết bị dạy học tối thiểu, thiết bị chuyển đổi số và trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục trong nhà trường, như sau:

- Đối với các cơ sở giáo dục Mầm non:

+ Xây dựng đủ số phòng học, phòng chức năng, thư viện, sân chơi, mua sắm trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, để triển khai dạy học 2 buổi/ ngày, gắn với mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% phòng học kiên cố, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, nâng chất lượng duy trì phổ cập đối với trẻ em 5-6 tuổi;

+ Đến năm 2030 có 100% các cơ sở giáo dục mầm non công lập, đủ trường lớp, bảo đảm 01 phòng học/lớp mẫu giáo, nhà trẻ theo kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non của địa phương; 100% phòng học kiên cố, có đủ các phòng chức năng, thư viện trường mầm non, đủ đồ chơi ngoài trời, đồ chơi trong lớp, thiết bị dạy học, đủ bếp ăn, nhà vệ sinh và công trình nước sạch theo quy định.

- Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông: Xây dựng đủ số phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện, sân chơi đáp ứng dạy học 2 buổi/ ngày theo quy định, gắn với mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% phòng học kiên cố, ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Mở rộng quy mô hoặc xây mới trường trung học phổ thông để đến năm 2030 có đủ chỗ học cho ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông hoặc tương đương. Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, thiết bị thực hiện chuyển đổi số, đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao chất lượng giáo dục vùng nông thôn.

II. Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững

1. Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo

1.1. Đối tượng

- Người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

- Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

1.2. Nội dung thực hiện

- Thực hiện xây dựng cơ chế chính sách để bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

- Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, giáo dục bắt buộc đến hết trung học cơ sở, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; tăng cường các giải pháp để duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

- Triển khai ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

2. Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm: trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề), trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn

2.1. Đối tượng

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: Trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề;

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; trung tâm giáo dục thường xuyên có tham gia hoạt động đào tạo nghề.

- Cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp.

- Nhà giáo, cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp.

- Người học là lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

- Người có nhu cầu học nghề, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

2.2. Nội dung thực hiện

a) Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo

- Tổ chức rà soát, đánh giá sự cần thiết để đầu tư xây mới, đầu tư cải tạo, nâng

cấp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên sau sáp nhập.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học, truyền thông về giáo dục nghề nghiệp.

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu đào tạo; đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

- Tư vấn hướng nghiệp, học nghề, khởi nghiệp lao động vùng đồng bào DTTS&MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

c) Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

B. HỢP PHẦN THỨ HAI

Thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào DTTS&MN; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào DTTS&MN đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất

I. Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN

1. Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú, dân tộc nội trú, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên (ưu tiên đầu tư các hạng mục: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo). Ưu tiên tập trung cho địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ATK địa bàn

chiến lược về an ninh, quốc phòng, khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống; đầu tư mới, đầu tư cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa các trường, lớp học, sân chơi cho học sinh phổ thông, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phục vụ khác ở khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống

1.1 Đối tượng

Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên trên phạm vi vùng đồng bào DTTS&MN.

1.2. Nội dung thực hiện

Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên (ưu tiên đầu tư các hạng mục: nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phục vụ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyên đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo). Ưu tiên tập trung cho địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ATK địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, khu vực đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống, trong đó tập trung:

- Kiên cố hóa trường lớp học vùng đồng bào DTTS&MN. Tập trung đầu tư hoàn thiện các công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho trẻ em mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non; học sinh dân tộc nội trú, học sinh bán trú tại trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên bảo đảm đầy đủ, an ninh, an toàn;

- Bổ sung trường, lớp, cơ sở vật chất đáp ứng dạy học 2 buổi/ ngày và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở;

- Mở rộng quy mô hoặc xây mới trường trung học phổ thông để đến năm 2030 có đủ chỗ học cho trên 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông hoặc tương đương, không có tỉnh nào dưới 60% học sinh trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Mua sắm, đầu tư thiết bị dạy học tối thiểu, thiết bị thực hiện chuyển đổi số, trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhà trường trong các cơ sở giáo dục theo quy định, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các cơ sở giáo dục vùng DTTS&MN;

- Xây dựng nhà công vụ cho giáo viên.

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên sau sáp nhập, tổ chức rà soát,

đánh giá sự cần thiết để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

2. Nội dung 02: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường cơ sở vật chất, tăng cường năng lực thực hiện nhiệm vụ của các trường dự bị đại học

2.1 Đối tượng: Các trường dự bị đại học

2.2. Nội dung thực hiện

Các trường dự bị đại học có thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Bộ GDĐT. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

3. Nội dung 03: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc: Trường Văn hoá Bộ Công an, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

3.1 Đối tượng: Trường Văn hoá Bộ Công an, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

3.2. Nội dung thực hiện

a) Rà soát, đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị

Đơn vị sự nghiệp công lập được thụ hưởng nguồn vốn của Chương trình, rà soát hiện trạng, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ học tập và sinh hoạt cho người học. Trong đó, ưu tiên các ngành đào tạo giáo viên, y tế, nông lâm nghiệp, công nghệ, chuyển đổi số và các ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

b) Ưu tiên đầu tư phục vụ người học và hướng tới bảo đảm điều kiện thực hiện chuẩn cơ sở giáo dục đại học, chuẩn cơ sở vật chất¹ bao gồm các hạng mục:

- Phòng học, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành, trung tâm học liệu;

- Ký túc xá, nhà ăn, công trình thể thao, công trình phục vụ sinh hoạt và hỗ trợ người học;

- Hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hệ thống học liệu số, thiết bị dạy học trực tuyến;

- Trang thiết bị đào tạo, thực hành, thực tập đối với các ngành đào tạo đặc

¹ Đối với Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80

thù phục vụ phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN;

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, cấp điện, cấp nước và tiếp cận cho người khuyết tật theo quy định.

II. Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN

1. Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS&MN về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN

1.1. Đối tượng

- Cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS&MN.

- Người học các chương trình đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.

1.2. Nội dung thực hiện

a) Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên vùng đồng bào DTTS&MN

- Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong tình hình mới, đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết 71-NQ/TW đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; xây dựng, hướng dẫn thực hiện các chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN; Các giải pháp hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù và thúc đẩy bình đẳng giới, phòng tránh, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS.

- Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Luật Nhà giáo; bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, tiếng quốc gia láng giềng; năng lực số, trí tuệ nhân tạo, đáp ứng khung năng lực số.

b) Đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại khoản 7 Điều 2 Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045” (Đề án) các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao.

Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của địa phương để triển khai Đề án theo phân cấp.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ, khuyến khích sinh viên người dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo theo Đề án trở lại công tác, làm việc tại địa phương. Nghiên cứu, triển khai cơ chế đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu của địa phương; khuyến khích và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, phát triển các doanh nghiệp do người dân tộc thiểu số làm chủ gắn với các lĩnh vực triển khai của Đề án.

Chủ động xây dựng và ban hành hoặc đề xuất ban hành các chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số tại địa phương, phù hợp với mục tiêu của Đề án.

- Các cơ sở giáo dục đại học tiếp tục tổ chức đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho người học là người dân tộc thiểu số các ngành phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương và các ngành, lĩnh vực trọng điểm. Ưu tiên đào tạo các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, gồm: sức khỏe, công nghệ thông tin, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, đào tạo giáo viên, du lịch, công tác xã hội và các ngành, lĩnh vực khác theo nhu cầu phát triển của địa phương.

Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với địa phương, cơ quan sử dụng lao động và doanh nghiệp trong đào tạo, thực hành, thực tập, tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

Phần thứ ba: **QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Việc quản lý, tổ chức thực hiện chương trình số 417 lĩnh vực GDĐT được quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các nội dung của chương trình số 417 lĩnh vực GDĐT với các hoạt động về GDĐT của các chương trình, dự án, chính sách khác đang thực hiện trên địa bàn. Quá trình tổ chức thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, đúng mục tiêu, đối tượng và phạm vi của từng hợp phần. Tăng cường huy động và lồng ghép các nguồn lực xã hội trong quá trình thực hiện.

2. Với quan điểm và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai của dân tộc”; thực hiện triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và phổ cập giáo dục Mầm non là trọng tâm, đặc biệt là xóa bỏ khoảng cách giữa đô thị và vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, Bộ GDĐT đề nghị các địa phương:

- Quan tâm, bố trí nguồn lực cho các dự án, nhiệm vụ liên quan đến ngành Giáo dục vào nhóm ưu tiên hàng đầu khi xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ

hạn mức kế hoạch vốn. Trong đó ưu tiên đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phổ cập giáo dục;

- Căn cứ vào các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của ngành Giáo dục, quy định và hướng dẫn phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, tập trung rà soát làm rõ nội dung, nhu cầu đầu tư, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên để bố trí vốn đầu tư đúng đối tượng thụ hưởng. Rà soát cân đối các nguồn lực tổng thể để đề xuất vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, kế hoạch ngân sách hằng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 và huy động thêm các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu.

- Xem xét, giao nhiệm vụ cho đơn vị có năng lực và kinh nghiệm về lĩnh vực GDĐT của địa phương chủ trì tổng hợp, tham mưu đề xuất phương án đầu tư, là chủ đầu tư các công trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục thuộc chương trình 417 lĩnh vực GDĐT.

Quá trình thực hiện, có khó khăn vướng mắc, đề nghị báo cáo về Bộ GDĐT để phối hợp hướng dẫn và xử lý theo thẩm quyền./.